

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 49/2022/HNGĐ-ST
Ngày 25 – 3 – 2022
V/v Không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thanh Liêm

Ông Nguyễn Hoàng Dân

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Huyền Trang – *Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.*

Ngày 25 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Tào Mỹ L; Sinh năm: 1974; Địa chỉ: ấp B.D, xã Đ, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Phương T; Sinh năm: 1976; Địa chỉ: ấp B.D, xã Đ, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17/01/2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 26/01/2022, bản tự khai, biên bản hòa giải và được bổ sung tại phiên tòa, nguyên đơn bà Tào Mỹ L trình bày: Bà và ông Nguyễn Phương T kết hôn vào năm 1992, không có đăng ký kết hôn theo qui định pháp luật. Hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Nay tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Phương T.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Phương H, sinh năm 1993. Hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết trách nhiệm nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Bà xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai, Biên bản hòa giải và tại phiên tòa, ông Nguyễn Phương T trình bày: Ông và bà L chung sống có tổ chức cưới gả theo phong tục nhưng không đăng ký kết hôn. Về thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng đúng

như bà L trình bày, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nhưng ông xác định còn tình cảm với bà L, hơn nữa mâu thuẫn vợ chồng không lớn nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Phương H, sinh năm 1993. Hiện đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết trách nhiệm nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Ông xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Bà Tào Mỹ Linh và ông Nguyễn Phương T chung sống với nhau vào năm 1992, đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Bà L yêu cầu ly hôn với ông T. Quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp được xác định là không công nhận vợ chồng theo quy định tại Điều 53 của Luật hôn và nhân gia đình. Căn cứ vào quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về hôn nhân: Bà L và ông T chung sống có tổ chức cưới gả theo quy định nhưng không đăng ký kết hôn, nên hôn nhân của ông, bà không hợp pháp không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay bà L yêu cầu ly hôn với ông T, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 9, khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân gia đình, không công nhận mối quan hệ giữa bà L và ông T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Có một người con chung Nguyễn Phương H, sinh năm 1993. Hiện đã trưởng thành, các bên không yêu cầu giải quyết trách nhiệm nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông T thống nhất xác định tự thỏa thuận về tài sản chung. Quá trình chung sống không có nợ chung. Đến nay không ai yêu cầu Tòa án giải quyết trách nhiệm trả nợ của ông, bà. Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà L phải chịu án phí hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận mối quan hệ của bà Tào Mỹ L và ông Nguyễn Phương T là vợ chồng.

Về con chung: Con chung Nguyễn Phương H, sinh năm 1993. Đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết trách nhiệm nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và về nợ chung: Bà Tào Mỹ L và ông Nguyễn Phương T không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) bà Tào Mỹ L phải nộp. Ngày 27/01/2022 bà Tào Mỹ L đã nộp tạm ứng số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai số 0000902 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau
- VKSND TP.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Phan Thị Thu